TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhi
2. Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hòa M, sinh năm: 1990. Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh L, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt – Bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Hòa M trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà M ông L tiến đến hôn nhân có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thành vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo làm phụ giúp kinh tế gia đình đồng thời bà M phát hiện ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông L không thay đổi. Từ năm 2018, vợ chồng sống ly

thân. Nhận thấy vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên bà M yêu cầu ly hôn ông L. Về con chung: Trương Lê Minh D, sinh ngày: 31/8/2012, hiện nay do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu ông L cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Minh L vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn được triệu tập hợp lệ tới lần thứ 2 mà không tham gia nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà M yêu cầu ly hôn là phù hợp nên chấp nhận. Về con chung: Giao bà M trực tiếp nuôi dưỡng; ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có nên không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hòa M và ông Trương Minh L có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Lê Thị Hòa M yêu cầu ly hôn, ông L đang cư trú tại ấp 1, xã L, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị Hòa M và Ông Trương Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng bà M có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M ông L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hòa M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M cho rằng trong thời gian chung sống giữa bà M và ông L đã xảy ra mâu thuẫn do ông L không lo làm phụ giúp kinh tế gia đình và có mối qan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà M đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông L không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng gay gắt. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu bà M cung cấp gồm đơn khởi kiện có thể hiện rõ lời trình bày của bà M về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên ông L không có ý kiến hay phản đối. Do đó nhận thấy trong thời gian chung sống giữa bà M và ông L đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai bên không tìm cách để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi hậu quả bà M và ông L không còn sống chung từ năm 2018. Tòa án tiến hành hòa giải cho bà M và ông L trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song ông L không tham gia hòa giải. Tại phiên tòa ông L cũng vắng mặt cho thấy ông không còn thiết tha với mối quan hệ hôn nhân này. Bà M vẫn cương quyết ly hôn và xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà M và ông L không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Con chung hiện đang do bà M nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống chung với bà M nên giao cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Bà M yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đ cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông L được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết bà M và ông L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Bà M xác định không có, ông L không trình bày nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bà M chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hòa M đối với ông Trương Minh L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hòa M được ly hôn với ông Trương Minh L.

Về con chung: Giao cháu Trương Lê Minh D, sinh ngày: 31/8/2012 cho bà Lê Thị Hòa M trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trương Minh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000đồng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông L được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Bà Lê Thị Hòa M chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002675 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Bà M không phải nộp thêm. Ông Trương Minh L phải chịu 300.000đ án phí dân sự về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người Nhựt thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Long;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương